

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2017/HSST

Ngày: 31/5/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thuận Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Nghiệp**;
2. Ông **Trần Thanh Nghị**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Nhựt** – Thư ký tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Kiến Thịnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2017, tại Nhà Văn hóa xã K (thuộc ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2017/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2017/HSST-QĐ ngày 12 tháng 5 năm 2017 và Thông báo số 39/TB-TA ngày 22 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

Võ Văn L (tên thường gọi L), sinh năm: 1984; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: 6/12; tiền án, tiền sự: chưa; bị bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa; họ tên cha: Võ Văn D (chết); họ tên mẹ: Trang Thị Mỹ E (chết).

Võ Văn P, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: chăn nuôi; trình độ học vấn: không biết chữ; tiền án, tiền sự: chưa; bị bắt tạm giam từ ngày 26 tháng 01 năm 2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa; họ tên cha: Võ Văn Q (chết); họ tên mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1952.

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG:

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Trương Minh T**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Nơi cư trú: ấp P, xã K, huyện A, tỉnh An Giang;

Ông **Trương Hữu T**, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Ông **Trương Minh P**, sinh năm 1998 (vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang;
Ông **Lý Thanh H**, sinh năm 1981 (vắng mặt);
Nơi cư trú: ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

2. Người làm chứng:

Ông **Dương Văn H**, sinh năm 1972 (vắng mặt);
Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1971 (vắng mặt);
Cùng nơi cư trú: Ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 26/01/2017, sau khi nhận được tin báo, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về kinh tế ma túy – Công an huyện A kết hợp cùng Công xã K bắt quả tang Võ Văn Ph có hành vi bán ma túy cho Lý Thanh H tại nhà của P thuộc ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang. Qua khám xét nơi ở của P phát hiện 04 bịch nilon trong suốt bên trong chứa chất tinh thể màu trắng được cất giấu trong bao cát dưới sàn nhà. Lực lượng Công an lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ tang vật. Qua đấu tranh, P khai nhận 05 bịch nilon Công an thu giữ là của Võ Văn L đưa cho P bán cho các con nghiện.

Lực lượng Công an huyện A tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của L (tại ấp A, xã K) phát hiện 20 bịch nilon trong suốt bên trong chứa chất tinh thể màu trắng được cất giấu tại chuồng gà của L, nên Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản thu giữ và bắt khẩn cấp L để điều tra xử lý.

Qua điều tra xác định: Khoảng đầu tháng 01/2017 đến ngày 26/01/2017, L đi sang ấp 8, xã S, huyện C, tỉnh Cần Đal, Campuchia mua ma túy của 01 người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) 02 lần với số tiền 4.500.000 đồng, mang về Việt nam phân ra từng tép nhỏ đưa cho P khoảng 15 lần (mỗi lần từ 01 đến 07 tép) bán lại cho các con nghiện kiếm lời, trong thời gian này L và P bán ma túy được 34 lần, cụ thể như sau:

Trong tháng 01/2017 (không nhớ ngày), L bán ma túy 06 lần, với số tiền 1.200.000 đồng, cụ thể:

Bán ma túy cho Lý Thanh H 02 lần, mỗi lần 01 tép giá 200.000 đồng, tổng số tiền bán ma túy cho H là 400.000 đồng, cả 02 lần đều giao nhận ma túy tại khu vực chuồng gà của L, mỗi lần mua bán cách nhau khoảng 02 – 03 ngày.

Bán ma túy cho Trương Minh T 02 lần, mỗi lần 01 tép giá 200.000 đồng, tổng số tiền bán ma túy cho T là 400.000 đồng, cả 02 lần giao nhận ma túy tại khu vực chuồng gà của L, mỗi lần mua bán cách nhau khoảng 03 – 04 ngày.

Bán ma túy cho Trần Văn T (T) 02 lần, mỗi lần 01 tép giá 200.000 đồng, tổng số tiền bán ma túy cho T là 400.000 đồng, cả 02 lần giao nhận ma túy tại khu vực chuồng gà của L, mỗi lần mua bán cách nhau khoảng 03 – 04 ngày.

Trong tháng 01/2017 (không nhớ ngày) đến ngày 26/01/2017, P bán ma túy 28 lần, với số tiền 7.370.000 đồng, cụ thể:

Bán ma túy cho Lý Thanh H 07 lần, mỗi lần 01 tép giá 300.000 đồng, tổng số tiền bán ma túy cho H là 2.100.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy cho H dưới sân nhà của P.

Bán ma túy cho Trương Minh T 06 lần, mỗi lần 01 tép giá 300.000 đồng, tổng số tiền mua bán ma túy cho T là 1.800.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy cho T dưới sân nhà của P.

Bán ma túy cho Trần Văn T (T) 05 lần, mỗi lần 01 tép (04 lần giá 200.000 đồng và 01 lần giá 300.000 đồng, nhưng T đưa 270.000 đồng), tổng số tiền bán ma túy cho T là 1.070.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy cho T dưới sân nhà của P.

Ngày 23/01/2017, bán ma túy cho Trương Hữu T với giá 300.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy dưới sân nhà của P.

Khoảng 21 giờ ngày 24/01/2017, bán ma túy cho Trương Minh P với giá 200.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy dưới sân nhà của P.

Bán ma túy cho T (không rõ họ, tên và địa chỉ) 05 lần, mỗi lần 01 tép (02 lần giá 200.000 đồng và 03 lần giá 300.000 đồng), tổng số tiền bán ma túy cho T là 1.300.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy cho T dưới sân nhà của P.

P bán ma túy cho 01 người thanh niên (không rõ họ, tên và địa chỉ) sống tại Campuchia 03 lần, mỗi lần 01 tép giá 200.000 đồng, tổng số tiền là 600.000 đồng, địa điểm giao nhận ma túy tại bến đò chợ cũ (thuộc xã K).

Căn cứ vào Kết luận giám định số 43 ngày 01/02/2017, của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang xác định:

Tinh thể màu trắng trong 05 (năm) bọc nilon trong suốt hàn kín, được niêm phong trong phong bì kí hiệu số 1, có in hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã K, huyện An Phú, tỉnh An Giang; dấu vân tay màu đỏ ghi tên P và các chữ ký ghi tên: Phan Ngọc S, Mai Hồng C, Nguyễn Văn T, Lý Thanh H; gửi đến giám định có trọng lượng 0,4385 gam (không phải bốn ba tám năm gam) là chất ma túy Methamphetamine.

Tinh thể màu trắng trong 20 (hai mươi) bọc nilon trong suốt hàn kín, được niêm phong trong phong bì kí hiệu số 2, có in hình dấu tròn màu đỏ của Công an xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang và các chữ ký ghi tên: Phan Ngọc Sang, Mai Hồng Công, Dương Văn Hòa, Võ Văn Lâm; gửi đến giám định có trọng lượng 1,4515 gam (một phẩy bốn năm một năm gam) là chất ma túy Methamphetamine.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận chất tinh thể màu trắng bị Công an thu giữ là ma túy đá. Bị cáo L khai nhận chính bị cáo là người trực tiếp qua Campuchia mua ma túy, sau khi mua được ma túy bị cáo về Việt Nam cùng bị cáo P phân nhỏ ma túy rồi nhiều lần bán lại cho các con nghiện. Các bị cáo không có ý kiến về kết quả giám định thành phần, trọng lượng ma túy bị thu giữ.

Bản cáo trạng số 11/VKS.HS ngày 26/4/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang truy tố các bị cáo Võ Văn L và Võ Văn P về tội: “*Mua bán trái phép chất*

ma túy”; bị cáo Võ Văn L bị truy tố theo điểm b, đ khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự; bị cáo Võ Văn P bị truy tố theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự;

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết định khung tăng nặng là phạm tội nhiều lần; đối với hành vi qua biên giới mua ma túy của Lâm, tại phiên tòa, kiểm sát viên rút lại không truy tố;

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn L với mức hình phạt từ 08 đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; các điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 53 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Văn P với mức phạt từ 07 đến 08 năm tù.

Về vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật.

Các bị cáo Võ Văn L, Võ Văn P không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận.

Nói lời nói sau cùng, bị cáo Phong, bị cáo Lâm nhận thấy rất ăn năn về hành vi phạm tội của các bị cáo, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai và ý kiến trong hồ sơ. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp quy định tại Điều 191, Điều 192 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Văn P, Võ Văn L đều khai nhận hành vi nhiều lần bán ma túy cho các đối tượng nghiện ma túy trên địa bàn. Bị cáo L trực tiếp sang Campuchia mua ma túy về phân thành từng tép nhỏ rồi giao cho P bán cho các con nghiện. Trong tháng 01 năm 2017, P đã bán ma túy 34 lượt cho các con nghiện. Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan trọng vụ án; phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, tang vật thu giữ, kết quả giám định và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ đó, có đủ cơ sở xác định hành vi của Võ Văn L và Võ Văn P đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” được quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện A truy tố các bị cáo theo tình tiết định khung tăng nặng là “Phạm tội nhiều lần” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật;

Riêng bị cáo L còn bị truy tố theo tình tiết định khung tăng nặng là “Mua bán qua biên giới” điểm đ khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền độc quyền về quản lý chất ma túy của Nhà nước và làm mất an ninh trật tự ở địa phương.

Xét về tính chất vụ án: Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc qua biên giới mua ma túy về bán cho các con nghiện là vi phạm pháp luật. Vì mục đích lợi nhuận, các bị cáo đã bất chấp sức khỏe, trí tuệ và kinh tế của gia đình các con nghiện nói riêng và của nền kinh tế đất nước nói chung. Các bị cáo ý thức được việc làm sai phạm của các bị cáo có thể gây ra cái chết trắng cho biết bao nhiêu người nhưng vẫn thực hiện, thể hiện sự xem thường pháp luật của các bị cáo.

Nhà nước ta đã và đang có nhiều biện pháp nhằm hạn chế thấp nhất và tiến tới đẩy lùi tệ nạn ma túy. Bởi với việc nghiện ma túy đã làm ảnh hưởng đến sức khỏe, ảnh hưởng kinh tế chẳng những cho người nghiện, mà còn ảnh hưởng cho gia đình, người thân và cả xã hội. Loại trừ hủn ma túy ra khỏi đời sống xã hội là thật sự cần thiết, là nguyện vọng của toàn thể nhân dân. Nhưng bị cáo Lâm và bị cáo Phong vì hám lợi đã bất chấp pháp luật, nhiều lần bán ma túy cho người khác sử dụng. Hành vi này là đặc biệt nguy hiểm, nó gieo rắc “cái chết trắng” cho xã hội trong khi cả xã hội đang hoang mang lo sợ tệ nạn ma túy. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng đồng phạm giản đơn, không có sự câu kết, phân công giữa các bị cáo nên cần phải cá thể hóa hình phạt của từng bị cáo để đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, cụ thể:

Bị cáo L là người trực tiếp mua ma túy từ Campuchia về Việt Nam để cùng với P chia nhỏ bán cho các đối tượng nghiện nên ngoài việc phải chịu trách nhiệm hình sự về tình tiết tăng nặng định khung “phạm tội nhiều lần” theo điểm b khoản 2 Điều 194 còn phải chịu trách nhiệm tình tiết “mua bán qua biên giới” theo điểm đ khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999; tuy nhiên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và tại phiên tòa vì kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A cũng đã rút lại một phần truy tố là đúng quy định của pháp luật; do đó không xác định tình tiết “mua bán qua biên giới” là tình tiết định khung để xét xử bị cáo; tuy nhiên, qua nội dung vụ án, cho thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm hơn bị cáo P nên cần phải có mức hình phạt nặng hơn bị cáo P mới đúng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Hội đồng xét xử cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay.

Đối với bị cáo P là người trực tiếp bán ma túy cho những con nghiện, bị cáo phạm tội với vai trò thực hiện hành vi tích cực cho việc tiêu thụ ma túy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cũng cần phải có mức hình phạt nghiêm mới đủ sức răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Hội đồng xét xử cũng có xem xét giảm nhẹ phần nào về hình phạt cho bị cáo P vì bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự thú trong quá trình điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay.

Về xử lý vật chứng, Cơ quan công an thu giữ trong vụ án gồm có:

- 01 (một) gói niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang có các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Quốc H. Bên trong có mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng 1,3666 gam, có Methamphetamine;

- 01 (một) gói niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang có các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Quốc H. Bên trong có mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng 0,3767 gam, có Methamphetamine.

Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm lưu hành, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng model RM-1040 số Imei 1: 355151069363366; Imei 2: 355151069363374;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT X508 màu trắng số Imei 1: 98002909325724; Imei 2: 980029005509925.

Đây là phương tiện dùng vào phạm tội, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, sung quỹ nhà nước.

- 01 (một) giá cân kim loại;

- 01 (một) gói niêm phong có in dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang có các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ H và Vũ Quốc H. Bên trong có mẫu vật còn lại trọng lượng 24,5826 gam không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp;

- 02 (hai) sim số 0977673731, 01204988375; đây là vật dùng vào phạm tội không còn giá trị sử dụng, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Hình sự; điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu, tiêu hủy.

- Số tiền 3.446.000 đồng (*Ba triệu bốn trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*).

Trong đó: Số tiền 1.100.000 đồng (*Một triệu đồng*) là tiền của bị cáo P và L bán ma túy có được cần tịch thu sung quỹ; Trả lại cho bị cáo L số tiền 510.000 đồng (*Năm trăm mười nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo P số tiền 1.836.000 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) là tiền cá nhân không dùng vào việc phạm tội.

Tuy nhiên, do hai bị cáo phải nộp tiền thu lợi bất chính nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo P 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPTC6 màu vàng số imei 1: 980029005448728; imei 2: 980029005509925 là tài sản cá nhân của bị cáo không dùng vào việc phạm tội;

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định bị cáo L thu lợi bất chính 4.570.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*), bị cáo P thu lợi bất chính 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*), xét buộc hai bị cáo phải giao nộp sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt quản chế hoặc cấm cư trú từ một năm đến năm năm*”, do đó, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, đang ở cùng với gia đình, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Hai bị cáo còn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo **Võ Văn L (L)** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn L 08 (tám) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt tạm giam (ngày 26 tháng 01 năm 2017).

Tuyên bố: bị cáo **Võ Văn P** phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20, 53 và Điều 33 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Bị cáo **Võ Văn P 07 (bảy) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính kể từ ngày bắt tạm giam (ngày 26 tháng 01 năm 2017).

Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy:

- 01 (một) gói niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang có các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Quốc H; bên trong có mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng 1,3666 gam, có Methamphetamine;

- 01 (một) gói niêm phong có in hình dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang có các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Quốc H; bên trong có mẫu vật còn lại sau giám định có trọng lượng 0,3767 gam, có Methamphetamine;

- 01 (một) gói niêm phong có in dấu tròn màu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang có các chữ ký ghi tên: Nguyễn Thị Mỹ H và Vũ Quốc H. Bên trong có mẫu vật còn lại trọng lượng 24,5826 gam không tìm thấy thành phần các chất ma túy thường gặp;

- 01 (một) giá cân kim loại; 02 (hai) sim số 0977673731, 01204988375;

Tịch thu, sung quỹ nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng model RM-1040 số Imei 1: 355151069363366; Imei 2: 355151069363374;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu FPT X508 màu trắng số Imei 1: 98002909325724; Imei 2: 980029005509925;

- Số tiền 1.100.000 đồng (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) là tiền của bị cáo P và L bán ma túy có được.

Trả lại cho bị cáo:

- Trả lại cho bị cáo L số tiền 510.000 đồng (*Năm trăm mười nghìn đồng*); trả lại cho bị cáo P số tiền 1.836.000 đồng (*Một triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn đồng*). Tuy nhiên, do hai bị cáo phải nộp tiền thu lợi bất chính nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho bị cáo Phong 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPTC6 màu vàng số imei 1: 980029005448728; imei 2: 980029005509925.

(theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 4 năm 2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện A và Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

- Buộc bị cáo Võ Văn L (L) giao nộp 4.570.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng*) và bị cáo Võ Văn P giao nộp 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) để sung quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu hai bị cáo chậm thi hành án còn phải chịu lãi của khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Áp dụng Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Võ Văn L, bị cáo Võ Văn P mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm; riêng đối với người có quyền lợi liên quan vắng mặt, thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thuận Lợi